

VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG - NHẬN THỨC VÀ LẬP TRƯỜNG NHÌN TỪ HAI PHÍA: TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Ngô Văn Minh

Học viện Chính trị khu vực III

1. Nhận thức và lập trường của Trung Quốc

Trung Quốc là một quốc gia lục địa ven biển. Trong lịch sử, tuy người Trung Quốc cũng hướng ra biển để khai thác nguồn lợi, giao thương với các nước, dùng đường biển để tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược, và cũng từng có người như Trịnh Hòa đề xuất chủ trương “dĩ hải hưng quốc”, nhưng nhìn chung do “chịu chi phối bởi truyền thống văn hóa hoàng thổ với các tư tưởng “dĩ nông vi bản”, “trọng lục khinh hải”, “trọng nông ức thương”, cộng thêm chính sách “hải cấm” của triều Minh và chính sách “thiên giới”, sau lại là “Bế quan tỏa cảng” của nhà Thanh đã làm cho người dân Trung Quốc cả một thời gian dài “thiếu hụt những nhận thức vốn có về giá trị chính trị, giá trị kinh tế và giá trị quân sự của biển, nên quan niệm rõ ràng và chính xác về biển chưa được hình thành” [8].

Tôn Trung Sơn là người đưa ra được hệ thống tư tưởng biển đặc thù và hoàn chỉnh cho Trung Quốc, nhấn mạnh đến “dĩ hải vi bản”, “dĩ hải hưng quốc”, và cả tư tưởng về hải quyền, hải phòng, hải quân. Quan niệm biển dưới thời Mao Trạch Đông chủ yếu quan tâm xây dựng lực lượng hải quân nhằm mục đích tăng cường phòng vệ cho đất liền và vươn ra giải phóng đảo Đài Loan. Đến thời Đặng Tiểu Bình, quan niệm biển của Trung Quốc đã có bước phát triển với 3 nội dung cơ bản: (i) Tư tưởng chiến lược trong phòng vệ biển là “phòng ngự biển gần”; (ii) “Tinh gọn” và “hữu dụng” là phương châm xây dựng hải quân; (iii) “Gác tranh chấp chủ quyền, cùng khai thác” trong xử lý các vấn đề trên biển. Giang Trạch Dân đưa ra tư tưởng mới gắn khái niệm biển với quan niệm về an ninh toàn diện trên biển (chính trị, quân sự, kinh tế,

khoa học và môi trường). Đến thời Hồ Cẩm Đào quan niệm biển đã phát triển lên một bước mới với 4 nội dung tư tưởng chiến lược quan trọng, gồm: (i) phòng ngự biển xa, (ii) hải dương hài hòa, (iii) xây dựng hải quân lớn mạnh và (iv) xây dựng cường quốc biển. Chiến lược xây dựng cường quốc biển đã được xác định tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc (3/2013) [14]. Đại hội lần thứ XIX (10/2017) tiếp tục nhấn mạnh “đẩy nhanh xây dựng cường quốc biển” [2].

Trong chiến lược biển, Trung Quốc coi trọng hơn đối với vùng biển phía nam của nước này (tức Biển Đông), cho rằng mình có “lợi ích cốt lõi” ở đây, bởi xét về kinh tế, việc khai thác nguồn tài nguyên biển và khai thác tuyến đường biển nơi đây sẽ đóng góp rất lớn cho phát triển kinh tế của Trung Quốc. Xét về vị trí địa chiến lược, kiểm soát được hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam Trung Quốc sẽ kiểm soát và khống chế được toàn bộ Biển Đông, từ đó sẽ kiểm soát địa chính trị đối với các nước trong khu vực, cả với eo biển Malacca nối Biển Đông và Ấn Độ Dương.

Ở thời cổ đại, nhận thức của người Trung Quốc đối với Biển Đông còn rất mơ hồ. Thế nhưng, vào thời Trung Hoa Dân quốc, những người Trung Quốc nặng đầu óc dân tộc đã tự vẽ ra đường lãnh hải như “một vòng tròn lớn hoa lệ” ở Biển Đông, để rồi về sau Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã dựa vào đó mà “thăng thẩn” kế thừa, cũng ngay lập tức “vẽ đường biên giới đến tận cửa người khác, cho rằng “đất này đều là của chúng ta” [6]! Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cho là mình có “chủ quyền” đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam mà họ tự đặt tên

là 西沙群島 (bính âm: *Xīshā qúndǎo*. Theo âm Hán - Việt là Tây Sa quần đảo) và 南沙群島 (bính âm *Nánshā qúndǎo*. Theo âm Hán - Việt là Nam Sa quần đảo). Hơn thế nữa, Trung Quốc ngày càng lấn tới khi chính thức lưu hành tấm bản đồ có hình dạng giống lưỡi bò (còn gọi là đường chữ U, đường 9 đoạn [7]) đính kèm theo Công hàm ngày 07/5/2009 gửi Liên hợp quốc cho rằng mình có “chủ quyền lịch sử” trong vùng biển này (với khoảng 80% diện tích Biển Đông). Ngày 21/6/2012, Trung Quốc thành lập cái gọi là “thành phố Tam Sa” với phạm vi quản lý bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Nhưng rồi, không đạt được yêu sách “đường lưỡi bò” bởi phán quyết của Tòa trọng tài quốc tế thành lập theo Phụ lục VII, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển vào ngày 12/7/2016, Trung Quốc lại đưa ra chiến thuật mới với yêu sách “Tứ Sa” bao gồm Đông Sa (hiện do Đài Loan kiểm soát), Tây Sa (quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam), Nam Sa (quần đảo Trường Sa của Việt Nam) và Trung Sa (lúc đầu là bãi ngầm Macclesfield, sau gộp cả bãi cạn Scarborough và bãi cạn St. Esprit vào), ngang nhiên thành lập cái gọi là “quận Tây Sa” (tại quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam) và “quận Nam Sa” (tại quần đảo Trường Sa của Việt Nam) thuộc “thành phố Tam Sa” và tự công bố cái gọi là “danh xưng tiêu chuẩn” cho 80 thực thể ở Biển Đông, trong đó có những bãi cạn nằm sâu trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, có điểm chỉ cách bờ biển Việt Nam chưa đầy 60 hải lý hoặc đường cơ sở Việt Nam khoảng 50 hải lý [9].

Tựu trung lại, lập trường của Trung Quốc là:

Một là, Trung Quốc cho rằng nước này có chủ quyền đối với quần đảo Tây Sa, quần đảo Nam Sa và các vùng nước kề cận; có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; có quyền lịch sử trên Biển Đông; có chủ quyền đối với Nam Hải Chư Đảo (bao gồm Tứ Sa) và các quyền và lợi ích biển trên Biển Đông [16].

Hai là, Trung Quốc cho rằng quần đảo Tây Sa và quần đảo Nam Sa là “lãnh thổ” của Trung Quốc, đã được cộng đồng quốc tế

“công nhận” rộng rãi và Chính phủ Việt Nam cũng đã “công nhận” rõ ràng điều này bởi sự “thừa nhận” của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong công thư gửi Thủ tướng Chu Ân Lai ngày 14/9/1958, nhằm đáp lại “Tuyên bố về lãnh hải của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” vào ngày 4 tháng 9 năm 1958.

Ba là, Trung Quốc cho rằng Việt Nam sau năm 1975 đã “vi phạm lệnh cấm estoppel”, và đã đệ trình các yêu sách lãnh thổ “bất hợp pháp” đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa của nước này, xem hành vi này của Việt Nam đã “vi phạm” các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, lại còn cho rằng Việt Nam đưa quân đội “xâm chiếm” một số đảo và rạn san hô thuộc quần đảo Nam Sa của Trung Quốc.

Bốn là, Trung Quốc chủ trương chỉ giải quyết tranh chấp ở Biển Đông thông qua thương lượng và đàm phán song phương giữa các quốc gia có liên quan trực tiếp, không chấp nhận giải quyết thông qua các cơ chế tài phán quốc tế hay bên thứ ba nào khác. Đồng thời, Trung Quốc đưa ra chủ trương “gác tranh chấp, cùng khai thác”, coi đây là giải pháp khả thi đối với tranh chấp tại Biển Đông hiện nay (trong nội bộ Trung Quốc chủ trương này được nêu đầy đủ hơn là “chủ quyền thuộc ta - Trung Quốc, gác tranh chấp, cùng khai thác”).

Để lập luận cho “chủ quyền” của mình trên các đảo ở vùng biển phía nam của nước này (tức Biển Đông), Trung Quốc cho rằng “các đảo Nam Hải từ cổ xưa đến nay là lãnh thổ Trung Quốc”, do nhân dân Trung Quốc “phát hiện sớm nhất”, “kinh doanh sớm nhất”, do các triều đại Trung Quốc “quản hạt sớm nhất” [10]. Trung Quốc cho rằng, nước này đã thiết lập một danh nghĩa ban đầu và củng cố danh nghĩa đó đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa. Để chứng minh cho danh nghĩa ban đầu, Trung Quốc cho rằng “một số lớn các sách lịch sử và các tài liệu cũng như rất nhiều di vật khảo cổ khai quật được đều chứng minh các đảo Tây Sa và Nam Sa từ lâu đời đã là lãnh thổ của Trung Quốc [11 tr.81].

Trung Quốc đã lén lút đưa quân chiếm đóng nhóm phía đông của quần đảo Hoàng Sa (1956), rồi đưa tàu chiến đánh chiếm phần còn lại ở phía tây nam của quần đảo này đang

do Việt Nam Cộng hòa quản lý (1/1974); đưa quân đánh chiếm 6 vị trí ở quần đảo Trường Sa trong năm 1988, đến năm 1995 lại chiếm đóng thêm 1 vị trí nữa. Tại các vị trí này, Trung Quốc tiến hành san lấp mặt bằng, mở rộng diện tích và xây dựng các công trình quân sự. Trung Quốc còn dùng “sức mạnh cơ bắp” đâm chìm tàu cá của ngư dân Việt Nam, đâm va tàu cảnh sát biển, tàu kiểm ngư của Việt Nam, hạ đặt trái phép giàn khoan nước sâu “Haiyang Shiyou-981” nằm sâu trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam. Cản trở hoạt động nghề cá của ngư dân Việt Nam trên ngư trường truyền thống của mình, Trung Quốc lại cho tàu hải giám bảo trợ cả chục ngàn tàu cá của ngư dân nước này tràn xuống Biển Đông khai thác nguồn hải sản, xâm phạm vào vùng biển Việt Nam. Gây sức ép nhằm buộc các công ty nước ngoài rút khỏi các dự án thăm dò và khai thác dầu khí với Việt Nam, Trung Quốc lại công khai mời thầu quốc tế nhiều lô dầu khí nằm sâu trong thềm lục địa của Việt Nam, chồng lên các lô mà Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN) đã và đang tiến hành các hoạt động cùng đối tác của mình. Trung Quốc còn tiến hành nhiều cuộc tập trận quy mô lớn trên Biển Đông. Ngày 22/01/2021 Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc thông qua luật mới, cho phép lực lượng hải cảnh của nước này sử dụng “mọi biện pháp cần thiết để chấm dứt hoặc ngăn chặn các mối đe dọa từ các tàu nước ngoài” ở những vùng biển tranh chấp như Biển Đông và cũng được phép phá hủy các công trình do những nước khác xây dựng trên các bãi đá ngầm mà Bắc Kinh có yêu sách chủ quyền cũng như lên tàu nước ngoài kiểm tra [17]. Mặt khác, Trung Quốc còn đẩy mạnh chiến tranh thông tin, chiến tranh ngoại giao nhằm hướng thế giới có cái nhìn sai lệch về vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và trên Biển Đông của Việt Nam, hoặc né tránh việc lên tiếng ủng hộ Việt Nam trong vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo. Những hoạt động đó của Trung Quốc đã tác động, ảnh hưởng rất lớn đến Việt Nam cả về chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế, đối ngoại.

2. Nhận thức và lập trường của Việt Nam

Việt Nam tuy diện tích lãnh thổ nhỏ, nhưng được xếp vào quốc gia biển lớn. Tuy về mặt khai thác tiềm năng biển, dưới thời phong kiến do chính sách chung của các triều đại vẫn là “trọng nông ức thương”, nếu có mở cảng chiêu thương cũng chỉ ở một vài nơi, lại bị động ngòai chờ thuyền buôn các nước đến, không có được những đội tàu lớn vươn ra đại dương đánh bắt hải sản và đi buôn bán xa nên nhìn chung vẫn chưa thật sự khai thác biển như là một lợi thế để làm giàu cho đất nước. Nhưng về mặt phòng ngừa, xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo, triều đình cũng như nhân dân đều luôn thường trực ý thức trách nhiệm về vấn đề này. Các triều đại phong kiến Việt Nam rất quan tâm xây dựng lực lượng thủy binh và những chiến thuyền lớn phòng ngừa mặt biển, biết lợi dụng thủy triều để đánh giặc ngoại xâm tấn công từ phía biển. Từ thế kỷ XVII trở đi, các chúa Nguyễn không chỉ có cái nhìn mở cõi đối với đất liền về phương Nam mà còn có tầm nhìn chiến lược hướng ra biển, đảo về phía đông và tây nam, đặc biệt là lập đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải hướng ra khai chiếm, xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo ngoài khơi xa là Hoàng Sa và Trường Sa. Đến Triều Nguyễn, triều đình ban hành và thực thi cả một hệ thống chính sách đối với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo, từ việc xây dựng hệ thống phòng thủ dọc theo ven biển, xây dựng lực lượng thủy quân, ban hành các văn bản quản lý tàu thuyền, cứu hộ, cứu nạn, chống hải tặc trên biển, cho đến thực thi chủ quyền quốc gia trên biển đảo, đặc biệt là với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà vị vua thứ hai của vương triều đã nhấn mạnh đây là hải cương, có vị trí chiến lược vô cùng trọng yếu của đất nước. Sự hành xử chủ quyền đối với hai quần đảo này là liên tục, không chỉ ở thời kỳ còn là nhà nước phong kiến độc lập mà cả trong thời kỳ bị Pháp đô hộ [12 tr.34, tr.101].

Nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* nhấn mạnh: “Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền

thiên liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam” [5 tr.81-82]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Tổ chức tốt việc xây dựng và quản lý thống nhất quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và chuyên ngành về biển, đảo. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc” [4 tr.125-126].

Đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, dựa vào những chứng cứ lịch sử rõ ràng và căn cứ vào những nguyên tắc của luật pháp và tập quán quốc tế, Việt Nam khẳng định:

1. Từ lâu, Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa khi mà các quần đảo này chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào.

2. Từ thế kỷ XVII đến nay, suốt trong mấy thế kỷ, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện một cách thật sự, liên tục và hòa bình chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3. Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo vệ tích cực các quyền và danh nghĩa của mình trước mọi mưu đồ và hành động xâm phạm tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa [18].

Việt Nam đã trưng dẫn nhiều sách và bản đồ có giá trị xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu đã là lãnh thổ Việt Nam [19], đặc biệt đã công bố hàng loạt châu bản của Triều Nguyễn cho thấy vương triều này liên tục cử người khảo sát, tiến hành cắm mốc, đo vẽ bản đồ và chính sách đối với người đi thực thi công vụ trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, đối với việc cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền các nước gặp nạn khi đi qua vùng biển này [20]. Việc chiếm hữu và khai thác của Nhà nước Việt Nam không bao giờ gặp phải sự phản đối của một quốc gia nào khác; điều đó càng chứng tỏ từ lâu quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đã là lãnh thổ Việt Nam [21].

Với các lập luận của phía Trung Quốc về cái gọi là chủ quyền của nước này đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa (tức hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam), Việt Nam luôn xem đây là những lập luận vô căn cứ và không có giá trị.

- *Một là*, Việt Nam xem cách Trung Quốc giải thích rằng nước này là quốc gia đầu tiên phát hiện, đặt tên, khai thác, phát triển và thực thi quyền tài phán đối với hai quần đảo là hoàn toàn không có căn cứ khoa học và trái với các quy định của luật pháp quốc tế. Bởi, theo luật pháp quốc tế về thụ đắc lãnh thổ thì việc “phát hiện” và “đặt tên” sớm nhất không mang lại danh nghĩa chủ quyền của quốc gia đối với một vùng lãnh thổ. Một quốc gia chỉ được coi là có chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ khi quốc gia đó đã chiếm hữu và thực thi quản lý, khai thác lãnh thổ với tư cách nhà nước một cách thực sự, liên tục và hòa bình, nhưng Trung Quốc lại hoàn toàn không có các bằng chứng để chứng minh các hoạt động này của mình. Những lập luận của Trung Quốc về chủ quyền đối với hai quần đảo là hoàn toàn sai trái và không có căn cứ khoa học vì các “tư liệu lịch sử” Trung Quốc đưa ra không có nguồn gốc rõ ràng, không chính xác và được Trung Quốc diễn giải một cách tùy tiện. Các tài liệu đó không chứng tỏ rằng Trung Quốc đã thiết lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi hai quần đảo này còn là lãnh thổ vô chủ. Trong khi đó, tất cả các bộ chính sử và các bản đồ của Trung Quốc cho đến thời Nhà Thanh đều

khẳng định cực nam của nước này chỉ đến đảo Hải Nam mà thôi.

- *Hai là*, về lập luận của Trung Quốc cho rằng chủ quyền của nước này đối với hai quần đảo đã được sự công nhận rộng rãi của cộng đồng quốc tế, Việt Nam phản bác, khẳng định đây hoàn toàn là một sự bịa đặt, bởi bản đồ, sách cổ của các nước trên thế giới không thể hiện hai quần đảo này thuộc lãnh thổ Trung Quốc mà chỉ vẽ cực nam của Trung Quốc là đảo Hải Nam. Các hội nghị quốc tế cũng chưa bao giờ công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này.

- *Ba là*, về việc Trung Quốc cố tình xuyên tạc và diễn giải sai lịch sử khi viện dẫn văn bản năm 1958 của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng thì chính cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong chuyến đi thăm Liên Xô tháng 4/1977, khi dừng chân tại Bắc Kinh đã trực tiếp gặp các nhà cầm quyền Trung Quốc nói rõ văn bản này chỉ biểu thị thái độ ghi nhận và tán thành tuyên bố ngày 4/9/1958 của Trung Quốc về hải phận 12 hải lý, hoàn toàn không nói gì đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nên Trung Quốc không thể coi đó là văn bản xác nhận chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo [13]. Tài liệu lập trường Việt Nam gửi Liên hợp quốc ngày 22/8/2014 về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa cũng nói rõ: “Trong những năm Việt Nam bị chia cắt, theo Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở phía nam đường giới tuyến, thuộc thẩm quyền duy nhất của Việt Nam Cộng hòa. Việt Nam Cộng hòa, trong thời kỳ này, đã thực thi một cách hữu hiệu chủ quyền của mình và thực hiện nhiều hành vi quản lý đối với lãnh thổ này. Nội dung phát biểu của đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đề cập trong công hàm của Trung Quốc - cho dù có được diễn giải như thế nào đi chăng nữa - cũng không có hệ quả pháp lý, vì hai quần đảo này không thuộc thẩm quyền lãnh thổ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” [22].

- *Bốn là*, Việt Nam khẳng định, với việc sử dụng vũ lực xâm chiếm trái phép toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và một số bãi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam, Trung Quốc đã

vi phạm nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc về cấm đe dọa vũ lực và sử dụng vũ lực để chiếm đóng lãnh thổ. Hành động đó của Trung Quốc không thể được biện minh là thực thi quyền tự vệ chính đáng, bởi tại các thời điểm Trung Quốc sử dụng vũ lực chiếm đóng, Việt Nam đang chiếm hữu và quản lý một cách hòa bình hai quần đảo này.

- *Năm là*, Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) và sẽ kiên quyết, kiên trì các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế để bảo vệ các quyền hợp pháp, chính đáng đó. Việt Nam yêu cầu các nước liên quan tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam ở Biển Đông, có trách nhiệm thực thi một cách thiện chí luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Với lập trường nhất quán như vậy, trong Công hàm số 22/HC-2020 gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc ngày 30/3/2020 Việt Nam phản đối các yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông thể hiện trong hai công hàm số CML/14/2019 và Công hàm số CML/11/2020 của nước này đã “vi phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam tại Biển Đông”. Việt Nam khẳng định có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế và khẳng định Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (Công ước) là cơ sở pháp lý duy nhất, quy định toàn diện và triệt để về phạm vi quyền được hưởng vùng biển giữa Việt Nam và Trung Quốc. Vì vậy, Việt Nam phản đối các yêu sách ở Biển Đông vượt quá những giới hạn được quy định tại Công ước, trong đó có yêu sách quyền lịch sử; các yêu sách này đều không có giá trị pháp lý [1].

Biển Đông là nơi có những tranh chấp hết sức phức tạp, có tranh chấp liên quan đến hai nước như vấn đề quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc; có tranh chấp liên quan đến nhiều bên trong khu vực như vấn đề quần đảo Trường Sa; cũng có những vấn đề liên quan đến cả các nước ở ngoài khu vực

như vấn đề hòa bình ổn định, an ninh an toàn, tự do hàng hải nên quan điểm của Việt Nam, như đã thể hiện trong Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, tháng 10/2011 là “Đối với tranh chấp trên biển giữa Việt Nam - Trung Quốc, hai bên giải quyết thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị. Nếu tranh chấp liên quan đến các nước khác, thì sẽ hiệp thương với các bên tranh chấp khác”.

Quan điểm nhất quán của Việt Nam là “kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển” [5]. Nếu các bên không giải quyết được các tranh chấp bằng cơ chế đàm phán thì cần giải quyết bằng các phương thức khác như trung gian, hòa giải, hoặc bằng các cơ chế tài phán quốc tế.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, cũng như chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích của mình ở Biển Đông; tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình theo đúng các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và phù hợp với tình hình thực tế nước mình, Việt Nam vẫn chủ trương sẵn sàng cùng các bên liên quan hợp tác cùng phát triển ở những khu vực thực sự có vùng chồng lấn được hình thành dựa trên cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn theo quy định của UNCLOS 1982 khi xác lập phạm vi vùng đặc quyền và thềm lục địa của mỗi quốc gia như bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn trên biển, phòng chống tội phạm trên biển, phòng chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, chứ không chấp nhận áp dụng đối với những tranh chấp được tạo thành bởi yêu sách không dựa vào các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 hoặc cố tình giải thích sai Công ước này để phục vụ cho tham vọng của mình, như trường hợp

khu vực được tạo bởi “đường lưỡi bò” phi lý mà Trung Quốc tự đưa ra để lấn sâu vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Việt Nam kiên quyết bác bỏ yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc trên Biển Đông, vì nó được xác lập “không có cơ sở, không có căn cứ của bất cứ loại luật pháp quốc tế nào” [15].

Trong quan hệ với Trung Quốc về giải quyết vấn đề trên Biển Đông, Việt Nam vẫn mong Trung Quốc sẽ xử lý và giải quyết vấn đề trên biển không phải bằng những tuyên bố mang tính áp đặt hoặc bằng các hành vi mang tính đe dọa, mà là giải quyết hoà bình các tranh chấp trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật biển 1982 của Liên hợp quốc; tuân thủ nhận thức chung và thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai nước, Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011; thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) được các nước ASEAN và Trung Quốc ký ngày 04 tháng 11 năm 2002; tích cực thúc đẩy đàm phán để xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC) thực chất và hiệu quả nhằm làm cho Biển Đông trở thành vùng biển hòa bình, hữu nghị, hợp tác, đóng góp vào việc phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc, góp phần duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực./.

Tài liệu tham khảo

1. Công hàm số 22/HC-2020 của Phái đoàn Thường trực Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên hợp quốc gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc António Guterres, ngày 30/3/2020. https://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mys_12_12_2019/VN22HC-2020vn.pdf
2. Đảng Cộng sản Trung Quốc (2018), *Tổng tập văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội tr54.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành*

Trung ương Đảng khóa XII Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Văn phòng Trung ương Đảng.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Tập I, Hà Nội, tr125-126.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Văn phòng Trung ương Đảng, tr 104 – 105.

6. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Trung Quốc bài binh bố trận trên Biển Đông vượt quá dự liệu của tất cả mọi người*, Dẫn theo Thông tin Những vấn đề lý luận, số 5/2012.

7. Thu Hằng (2022), *Dân Trung Quốc mỉa mai bản đồ “đường 10 đoạn”*. <https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/dan-trung-quoc-mia-mai-ban-do-duong-10-doan-20140626084635455.htm>, ngày 26/6/2014 [cập nhật ngày 29/5/2022]

8. Dương Văn Lợi (2013), *Quan niệm biển thời cổ đại của Trung Quốc*, Bài đăng Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 7 (143) tr 73.

9. Duy Linh và Bảo Anh (2020), *Trung Quốc ngang ngược đặt tên đảo, lập quận Tây Sa, Nam Sa trên Biển Đông*. <https://tuoitre.vn/trung-quoc-ngang-nguoc-dat-ten-dao-lap-quan-tay-sa-nam-sa-tren-bien-dong-20200421082126381.htm> [cập nhật ngày 19/12/2021]

10. Hân Nguyên Nguyễn Nhã (2013), *Phân bác những luận điểm của Trung Quốc về chủ quyền tại Tây Sa (Hoàng Sa), Nam Sa (Trường Sa) và Biển Đông*, Tham luận tại Hội thảo khoa học quốc tế *Chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa – các khía cạnh lịch sử và pháp lý*, tổ chức tại trường Đại học Phạm Văn Đồng (Quảng Ngãi), ngày 27-28/4/2013.

11. Monique Chemillier – Gendreau (2011) *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Nxb Chính trị Quốc gia.

12. Ngô Văn Minh (2017), *Biển, đảo – máu thịt quốc gia, không gian sinh tồn của dân tộc*. Nxb Đà Nẵng.

13. Bùi Phan Kỳ (2015), *Góp phần làm rõ thêm về một văn bản lịch sử*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

14. Nguyễn Hùng Sơn, Đặng Cẩm Tú (2014), *Bàn về chiến lược cường quốc biển của Trung Quốc sau Đại hội XVIII*. Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 4 (99) tr 75-78.

15. Trương Tấn Sang (2013), *Phát biểu trước các học giả và quan khách tại Trung tâm nghiên cứu chiến lược quốc tế ở Washington ngày 26/7/2013 (giờ Việt Nam)*, <https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chu-tich-nuoc-khang-dinh-lap-truong-ve-bien-dong-132999.html>, cập nhật 27/07/2013.

16. Đỗ Thiện (2020), *Biển Đông: Soi “Tứ Sa” của Trung Quốc dưới lăng kính pháp lý*, <https://plo.vn/quoc-te/bien-dong-soi-tu-sa-cua-trung-quoc-duoi-lang-kinh-phap-ly-914755.html> [cập nhật ngày 14/12/2021]

17. *Trung Quốc cho phép hải cảnh nổ súng bắn tàu nước ngoài ở Biển Đông*, <https://vietnamnet.vn/vn/the-gioi/trung-quoc-cho-phep-hai-can-h-no-sung-ban-tau-nuoc-ngoai-o-bien-dong-707704.html>. Cập nhật 23/01/2021 08:16 GMT+7

18. Ủy ban Biên giới (Bộ Ngoại giao, 2013), *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Tri thức, H, 2013, tr 38.

19. Ủy ban Biên giới (Bộ Ngoại giao, 2013), *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Tri thức, H, 2013, tr 14-19.

20. Ủy ban Biên giới quốc gia (Bộ Ngoại giao, 2013), *Tuyển tập các châu bản Triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Nxb Tri thức. H, 2013.

21. Ủy ban Biên giới (Bộ Ngoại giao, 2013), *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Tri thức, H, 2013, tr 19-20.

22. Ủy ban Biên giới quốc gia (Bộ Ngoại giao, 2015), *Tài liệu định hướng công tác tuyên huấn về biển đảo*. Nxb Tri thức.

23. Việt Nam cũng bác bỏ lập luận của các nước Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây về chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa của Việt Nam.